

Số: 45/2024/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 24 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 118/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông **Kiều Văn R**, sinh năm 1947.

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Như Y**, sinh năm 2005.

Địa chỉ cư trú: ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chị Nguyễn Như Y có nghĩa vụ trả cho ông Kiêu Văn R số tiền vay còn nợ là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

2.2. Ông Kiêu Văn R có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền thuê đất trồng cam còn nợ là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

2.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.4.1. Đối với số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) chị Nguyễn Như Y có nghĩa vụ trả cho ông Kiều Văn R: Ông Kiều Văn R và chị Nguyễn Như Y mỗi người có nghĩa vụ nộp 375.000đ (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Nhưng ông R thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho ông R theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2.4.2. Đối với số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) ông Kiều Văn R có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn H:

- Anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ nộp số tiền 375.000đ (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh H đã nộp 750.000đ (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011167 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả lại cho anh H số tiền chênh lệch là 375.000đ (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- Ông Kiều Văn R có nghĩa vụ nộp 375.000đ (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Nhưng ông R thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho ông R theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An